Chi tiết mã HS 8709.19.00

Mã HS	8709.19.00
Mô tả hàng hóa	Xe vận chuyển, loại tự hành, không lắp kèm thiết bị nâng hạ hoặc cặp giữ, thuộc loại dùng trong nhà máy, kho hàng, bến cảng hoặc sân bay để vận chuyển hàng hóa trong phạm vi hẹp; xe kéo loại sử dụng trong sân ga, ke ga đường sắt (*); bộ phận của các loại xe kể trên / - Xe: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:54:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/87091900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17584
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17584
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17584
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,3	0,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,3	0,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16899
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16828
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16828
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16828
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16828
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16828
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16828
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E16884
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F16884
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G16884
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H16884

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I16884
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J16884
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E16885
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F16885
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G16885
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H16885
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I16885
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J16885
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F16890
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16845
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F16842
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G16842
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H16842
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I16842
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J16842
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K16842
VKFTA	2022	2022	0	VK!E16888
VKFTA	2023	2023	0	VK!F16888
VKFTA	2024	2024	0	VK!G16888
VKFTA	2025	2025	0	VK!H16888
VKFTA	2026	2026	0	VK!I16888
VKFTA	2027	2027	0	VK!J16888
VCFTA	2022	2022	3	VC!D16950
VCFTA	2023	2023	3	VC!E16950
VCFTA	2024	2024	0	VC!F16950
VCFTA	2025	2025	0	VC!G16950

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H16950
VCFTA	2027	2027	0	VC!I16950
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D16926
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E16926
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F16926
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G16926
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H16926
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I16926
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D16921
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E16921
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F16921
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G16921
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H16921
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I16921
EVFTA	2022	2022	1,8	EV-NK!D16941
EVFTA	2023	2023	1,5	EV-NK!E16941
EVFTA	2024	2024	1,1	EV-NK!F16941
EVFTA	2025	2025	0,7	EV-NK!G16941
EVFTA	2026	2026	0,3	EV-NK!H16941
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16941
UKVFTA	2022	2022	1,8	UKV!D16940
UKVFTA	2023	2023	1,5	UKV!E16940
UKVFTA	2024	2024	1,1	UKV!F16940
UKVFTA	2025	2025	0,7	UKV!G16940
UKVFTA	2026	2026	0,3	UKV!H16940
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I16940

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17044
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17044
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17044
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17044
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17044
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17044
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17044
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D16911
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E16911
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F16911
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G16911
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H16911
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I16911
RCEP B	2022	2022	0	B!D16911
RCEP B	2023	2023	0	B!E16911
RCEP B	2024	2024	0	B!F16911
RCEP B	2025	2025	0	B!G16911
RCEP B	2026	2026	0	B!H16911
RCEP B	2027	2027	0	B!I16911
RCEP C	2022	2022	0	C!D16909
RCEP C	2023	2023	0	C!E16909
RCEP C	2024	2024	0	C!F16909
RCEP C	2025	2025	0	C!G16909
RCEP C	2026	2026	0	C!H16909
RCEP C	2027	2027	0	C!I16909
RCEP D	2022	2022	0	D!D16908

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E16908
RCEP D	2024	2024	0	D!F16908
RCEP D	2025	2025	0	D!G16908
RCEP D	2026	2026	0	D!H16908
RCEP D	2027	2027	0	D!I16908
RCEP E	2022	2022	0	E!D16912
RCEP E	2023	2023	0	E!E16912
RCEP E	2024	2024	0	E!F16912
RCEP E	2025	2025	0	E!G16912
RCEP E	2026	2026	0	E!H16912
RCEP E	2027	2027	0	E!I16912
RCEP F	2022	2022	0	F!D16911
RCEP F	2023	2023	0	F!E16911
RCEP F	2024	2024	0	F!F16911
RCEP F	2025	2025	0	F!G16911
RCEP F	2026	2026	0	F!H16911
RCEP F	2027	2027	0	F!I16911
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F15861
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G15861
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H15861
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I15861

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8709.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8709.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17584), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.